



## **GIỚI CHÓP BU VÀ CẢI CÁCH Ở LÀO, CAMPUCHIA VÀ VIỆT NAM**

**Nguồn:** Martin Gainsborough (2012). "Elites vs. Reform in Laos, Cambodia, and Vietnam", *Journal of Democracy*, Vol. 23, No. 2 (April), pp. 34-46.

**Biên dịch và Hiệu đính:** Trần Anh Phúc

Nếu xem xét cùng với nhau, Việt Nam, Campuchia và Lào mang lại một điều gì đó khó hiểu. Trong khi Việt Nam và Lào vẫn duy trì chế độ nhà nước cộng sản độc đảng, thì Campuchia trải qua quá trình chuyển đổi dân chủ vào năm 1993 dưới sự giám sát của cộng đồng quốc tế. Nhưng cả ba nước cuối cùng đều có cùng một nền chính trị rất tương đồng với đặc trưng là sự thiếu cam kết đối với các giá trị tự do. Khi nỗ lực giải thích cho điều này, chúng ta nên cân nhắc tầm quan trọng của văn hóa chính trị và "chính trị tiền bạc", trong khi cũng chú ý đến một thực tế là sự năng động của xã hội dân sự và biểu tình tự phát đang dần trở nên phổ biến hơn.

Việt Nam, Campuchia và Lào thường được xếp cùng một nhóm để phục vụ các mục đích phân tích. Điều này bắt nguồn từ một số lý do rõ ràng. Cả ba nước đều là các thuộc địa cũ của Pháp, từng được biết đến dưới cái tên chung là khu vực Đông Dương thuộc Pháp, có vị trí địa lý nằm giáp biên nhau trên lục địa Đông Nam Á. Cả ba đều chứng kiến sự nổi lên năm quyền trên toàn quốc của các đảng cộng sản giữa những năm 1970. Một điều khác cũng có liên quan đó là nỗ lực bất thành của Việt Nam trong thời Chiến tranh Lạnh nhằm duy trì vai trò lãnh đạo đặc biệt ở Đông Dương, hợp nhất với Campuchia và Lào sau khi Việt Nam đưa quân vào Campuchia năm 1978. Từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, ba nước này được phân cùng một nhóm bởi vì đều nằm trong nhóm các nước nghèo nhất Đông Nam Á, được liên kết với nhau thông qua Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, và là những

thành viên non trẻ nhất của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Ba nước cũng đã chứng kiến sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và tình trạng nghèo đói ngày càng giảm kể từ những năm 1990 và được nhìn nhận là đang trải qua quá trình “cải cách” chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường.

Tuy nhiên, Việt Nam, Campuchia, Lào hiện là các quốc gia độc lập có chủ quyền với những ảnh hưởng tiền thuộc địa và nền lịch sử khác nhau. Mỗi nước có sự trải nghiệm khác nhau dưới ách đô hộ thực dân Pháp và đặc điểm tình hình hậu thuộc địa ở mỗi nước cũng khác nhau, thường khá khó nhận thấy. Ba nước cũng không đi theo cùng một quỹ đạo từ sau Chiến tranh Lạnh. Việt Nam và Lào không trải qua sự chuyển đổi dân chủ và duy trì các nhà nước cộng sản độc đảng. Ngược lại, Campuchia đã thực sự trải qua quá trình chuyển đổi đó (được giám sát bởi cộng đồng quốc tế) vào năm 1993, đầu rằng sau đó đa phần những tiến bộ dân chủ của nước này đã bị đảo ngược.

Hơn nữa, khi ba nước này đã hội nhập đầy đủ hơn vào nền kinh tế khu vực Đông Nam Á cũng như toàn cầu, những điều kiện hoàn cảnh mỗi nước khác nhau đang khiến các nước này phản ứng trước các tác động về văn hóa, chính trị và kinh tế từ bên ngoài theo những cách khác nhau. Những điều kiện này bao gồm cả các vấn đề về quy mô và vị trí địa lý. Việt Nam với 86 triệu dân vượt trội so với một nước Campuchia với 15 triệu dân và một nước Lào có nhiều đồi núi và được bao bọc bởi đất liền chỉ với 7 triệu dân (nước nghèo nhất và nhỏ nhất trong 3 nước). Nền kinh tế Việt Nam cũng lớn hơn gấp 8 lần so với Campuchia và gấp 15 lần so với Lào. Tóm lại, ba nước này dù có thể so sánh với nhau nhưng vẫn khác biệt, với hướng đi đã và sẽ không trùng khớp nhau.

Các chuyên gia khu vực quen với ý nghĩ rằng cả 3 nước (dựa trên quyết định có chủ đích của nhóm chóp bu) đều ủng hộ chính sách kinh tế quốc gia (định hướng thị trường) mang tính “cải cách”. Việt Nam và Lào thường được cho là đã làm vậy tại các đại hội đảng toàn quốc do các đảng cộng sản cầm quyền lần lượt tổ chức ở mỗi nước vào năm 1986. Việt Nam thông qua chính sách “đổi mới” và Lào thì thông báo một “cơ chế kinh tế mới” dựa trên “lối tư duy mới”.<sup>1</sup> Campuchia nhìn chung cũng đi theo con đường đó vào năm 1989 sau khi quân đội Việt Nam rút lui.

Nếu xét những gì mà giới chóp bu được cho là đã làm, quan điểm thống nhất chung là những thay đổi ở mỗi nước đã đạt được những mức độ đáng kể về cả kinh tế và chính trị, đầu rằng khía cạnh kinh tế dần hiện hữu rộng lớn hơn khía cạnh chính trị. Tuy nhiên, sự thống nhất này quá nhấn mạnh sự thay đổi, chính sách chính thống, và các sáng kiến của giới chóp bu, trong khi lại đánh giá thấp tầm quan trọng của tính kế tục về kinh tế - chính trị và mức độ mà các tác nhân

bên ngoài các sáng kiến chính sách được dẫn dắt bởi nhóm chớp bu đã góp phần định hình nên các sự kiện ở 3 nước này.

Vấn đề đáng quan tâm ở đây là mức độ mà giới chớp bu ở cả ba nước thường chỉ chính thức hóa các thử nghiệm hoặc sáng kiến “từ dưới lên”, mang tính tự phát, có thể của các công chức, giám đốc doanh nghiệp, cư dân thành thị hay các nông dân. Nói chung, giới chớp bu thích tỏ vẻ như họ là người phụ trách và sẽ không thừa nhận rằng họ đang đối phó hơn là đang hành động (chủ động). Tuy nhiên, như đã đề cập về trường hợp Trung Quốc có liên quan, bất cứ một giải thích nào mà bỏ lơ vai trò của các sáng kiến không do chính quyền dẫn dắt hoặc không chính thức đều là những giải thích đã “được thanh lọc kỹ”. Nó “khiến chúng ta không chú ý đến những động lực thật sự của quá trình cải cách”.<sup>2</sup> Điều này không phải để phủ nhận việc giới chớp bu đã khởi xướng các đổi mới mà chỉ để lập luận cho một đánh giá cân bằng hơn, trong đó ghi nhận vai trò của cả sáng kiến chính thức và không chính thức, cũng như cân nhắc cả sự kế tục và sự đổi mới. Hơn nữa, sự cân bằng này là quan trọng khi cân nhắc sự thay đổi về mặt chính trị (ngay cả khi chưa đạt đến một sự chuyển đổi dân chủ toàn diện) hay khi xem xét những cải cách đối với nền kinh tế.

### **Những giới hạn của cải cách chính trị chính thức**

Trong phạm vi của các chế độ độc đảng ở mỗi nước, Việt Nam và Lào đã tiến hành những bước đi tương tự nhau để cải tổ hệ thống chính trị của mình. Con đường của Campuchia thì lại khác, dù nước này rất cục có nhiều điểm tương đồng về mặt chính trị với các nước láng giềng, bất chấp đã trải qua sự chuyển đổi dân chủ vào đầu những năm 1990.

Mặc dù các cải cách khởi xướng tại đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 6 và đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào vào năm 1986 thường được cho rằng chủ yếu là về mặt kinh tế, nhưng trong cả hai trường hợp này, các cải cách cũng có một phần chính trị rõ ràng. Ở Việt Nam, tuyên bố chính sách mẫu chốt từ năm 1986 nhấn mạnh các vấn đề, trong đó bao gồm sự phối hợp kém giữa đảng cộng sản và chính quyền, cũng như khuyến khích các đảng viên hoạt động ngoài vòng pháp luật và chà đạp lên các quy trình bầu cử. Sự phê bình này khởi đầu cho những bước đi chính thức của đảng nhằm xây dựng một nhà nước “pháp quyền”, tăng cường vai trò của Quốc hội và vạch rõ mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và người dân. Những vấn đề này vẫn còn mang tính thời sự: chính xác thì Đảng cộng sản nhìn nhận như thế nào về nền “pháp quyền”, cũng như mối quan hệ “đúng đắn” giữa người dân và nhà nước vẫn còn là những câu hỏi mở.

Những cải cách ở Lào cũng tập trung vào nền pháp quyền và bao gồm việc ban hành hiến pháp đầu tiên thời hậu thuộc địa vào năm 1991 cùng với việc nhấn mạnh tăng cường hệ thống hành chính quốc gia. Ở cả hai nước trên cũng đã có một sự cởi mở về không gian xã hội thông qua quá trình “phi stalin hóa đời sống hàng ngày”.<sup>3</sup> Những hạn chế về đi lại trong nội địa và thậm chí ở nước ngoài được nới lỏng; sự giám sát hàng ngày trở nên ít tràn lan và bớt hà khắc hơn; và các đầu mối truyền thông mới đã được cấp phép thành lập cùng với các hội nhóm phi chính thức gồm cả các nhóm tôn giáo. Dầu rằng những điều này không đưa đến một sự chuyển đổi dân chủ ở Việt Nam hay Lào— nơi mà Đảng cộng sản vẫn nắm quyền và các lực lượng an ninh vẫn áp đảo - thì bầu không khí ở cả hai nước đã thật sự trở nên tự do hơn một cách đáng kể.

Vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990, khi các cuộc biểu tình rầm rộ tại quảng trường Thiên An Môn cùng với việc phá dỡ bức tường Béclin và sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản ở Trung - Đông Âu và Liên Xô cũ đã làm chấn động thế giới, thì cuộc tranh luận về tương lai hệ thống chính trị của Việt Nam và Lào cũng nổ ra. Tuy nhiên, hầu hết các cuộc thảo luận trên diễn ra sau hậu trường của những chính quyền khép kín này, vì vậy khó mà biết được chính xác điều gì đã được bàn thảo. Nhưng bản kết luận cơ bản thì rõ ràng. Đầu những năm 1990, cả Việt Nam và Lào đã dập tắt lời kêu gọi của nhóm thiểu số về đa nguyên chính trị. Ở Lào, hai cựu thứ trưởng và một nhân viên Bộ Tư pháp bị bỏ tù vì bị cáo buộc có âm mưu lật đổ chế độ.<sup>4</sup> Ở Việt Nam, một thành viên Bộ Chính trị bị sa thải ngay trước đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 7 năm 1991, rõ ràng vì ông công khai ủng hộ nền chính trị đa đảng.

Tăng cường phản đối chính trị dân chủ, cả 2 đảng cầm quyền tuyên bố kiên quyết bác bỏ cái mà họ cho là “những đòi hỏi tự do quá mức” (ở Việt Nam) hay “một hệ thống đa đảng” (ở Lào).<sup>5</sup> Từ đó về sau, không một đảng nào thay đổi quan điểm cả. Họ tiếp tục nói về phát huy “dân chủ”, nhưng điều này không có nghĩa họ ủng hộ dân chủ tự do, mà thay vào đó là những điều như mở rộng số lượng đảng viên được phép có vai trò trong việc bầu chọn các nhà lãnh đạo cấp cao, gia tăng số lượng vị trí cấp chính quyền địa phương được bầu cử trực tiếp, và đảm bảo rằng đảng cộng sản quan tâm lắng nghe hơn nữa ý kiến của các cán bộ nhà nước, các nhà lập pháp và người dân.

Từ đầu những năm 1990, Việt Nam và Lào đều mở cửa đối với một loạt các tổ chức tài trợ song phương và đa phương, cũng như các tổ chức phi chính phủ quốc tế (NGOs), nhờ đó đã nhận được nhiều nguồn viện trợ và hỗ trợ kỹ thuật. Các nhà tài trợ bao gồm cả từ châu Á và phương Tây. Ở Lào có sự hiện diện mạnh mẽ

của Việt Nam, Trung Quốc và Thái Lan. Nhà tài trợ lớn của Việt Nam đến từ châu Á là Trung Quốc, nhưng sự hiện diện của Trung Quốc bị quản lý cẩn trọng (giữa hai nước này đã nổ ra cuộc chiến tranh trong thời gian ngắn nhưng rất gay gắt vào đầu năm 1979 và tiếp tục có các cuộc đụng độ vũ trang khu vực biên giới cho đến năm 1990). Các nhà tài trợ phương Tây đã làm việc với các chính phủ Việt Nam và Lào về những lĩnh vực liên quan đến quản trị nhà nước như là quản lý hành chính công, cải cách hệ thống pháp lý, chống tham nhũng, phát triển xã hội dân sự. Tuy nhiên, những điều này hầu như không có nhiều ảnh hưởng đối với nền chính trị hai nước.

Quỹ đạo phát triển của Campuchia thì lại hơi khác. Sau cuộc đưa quân vào Campuchia của Việt Nam năm 1978 nhằm lật đổ chế độ diệt chủng Khmer đỏ, một chính quyền được sự bảo trợ của Việt Nam và từ năm 1985 do Hun Sen đứng đầu đã nắm quyền điều hành Campuchia. Trong suốt những năm 1980, cuộc nội chiến tiếp tục diễn ra ác liệt khi liên minh những người bảo hoàng và phe Khmer đỏ đối chọi với chính quyền Campuchia do Việt Nam bảo trợ. Hòa bình trở nên khả dĩ chỉ khi Việt Nam vì những lý do chính trị trong nước của mình đã quyết định không thể duy trì hiện diện quân sự tại Campuchia nữa. Theo sau hiệp định hòa bình được ký tại Paris năm 1991, một sứ mệnh hoạt động đáng kể của Liên Hiệp Quốc được triển khai, dẫn đến các cuộc bầu cử vào năm 1993 với sự tham gia tranh cử của 19 đảng phái.

Ít nhất là trong ngắn hạn, Liên Hiệp Quốc đã có ảnh hưởng đáng kể. Campuchia đạt được những nền tảng chính thức của chủ nghĩa hiến pháp tự do, bao gồm một đạo luật cơ bản mới nhất quán với các nguyên tắc của nó. Ngoài ra, các hoạt động xã hội dân sự cũng tăng nhanh; các phương tiện truyền thông đa dạng và có tiếng nói hơn cũng nổi lên. Nhưng sự tự do đang đơm hoa này lại sớm bắt đầu lụi tàn. Các cuộc bầu cử vẫn tiếp tục được tổ chức đều đặn, nhưng những kết quả đạt được trong những năm đầu thập niên 1990 đã bị đảo ngược dần dưới bàn tay của Hun Sen và Đảng Nhân dân Campuchia (CPP) cầm quyền vốn vẫn cố duy trì kiểm soát quyền lực chặt chẽ. Điều này đã dẫn đến sự suy yếu mang tính hệ thống của phe chính trị đối lập bao gồm đảng bảo hoàng FUNCINPEC (từng là đối tác liên minh của CPP) và đảng Sam Rainsy. Những người chỉ trích chính phủ thuộc giới truyền thông, các tổ chức công đoàn hay xã hội dân sự nhìn chung thường bị mua chuộc hoặc bị dập tắt bởi sự kết hợp của các biện pháp như quan hệ ô dù bảo trợ, đe dọa, bạo lực, thay đổi luật bầu cử, hoặc vin vào những phiên tòa thiên về mặt chính trị.<sup>6</sup>

Trong cuộc bầu cử gần đây nhất tổ chức vào tháng 7 năm 2008, đảng CPP, với việc giành được 90 trong số 123 ghế, lần đầu tiên từ năm 1993 đã có thể tự

đứng ra thành lập một chính phủ mới. CPP cũng kiểm soát 90% các xã hoặc các ủy ban cấp chính quyền địa phương.<sup>7</sup> Đây là bước chuyển biến đáng kể đối với một đảng mà từng chỉ về thứ hai sau đảng FUNCINPEC trong cuộc bầu cử năm 1993, điều mà nhiều người có khuynh hướng lãng quên.

Giống như các chính phủ Việt Nam và Lào, Campuchia cũng cho phép hoạt động và cùng làm việc với cộng đồng tài trợ quốc tế về một loạt những cải cách quản trị nhà nước. Các nhà tài trợ cũng đến từ cả các nước châu Á và phương Tây, trong đó Việt Nam và Trung Quốc chiếm ưu thế trong số các nước châu Á. Tương tự Việt Nam và Lào, ảnh hưởng từ các nhà tài trợ bên ngoài đối với đường hướng chính trị cơ bản của Campuchia đã bị hạn chế một cách rõ rệt.

### **Những lực lượng đáng kể duy trì sự tiếp nối**

Tại sao ba nước láng giềng của nhau này – riêng Campuchia thì từ sau quá trình chuyển đổi năm 1993, trong khi hai nước Việt Nam và Lào thì gần như liên tục - lại bám chặt lấy con đường phi dân chủ như vậy? Câu trả lời có thể nằm ngay trong các nền văn hóa chính trị của giới tinh hoa tương tự nhau một cách đáng chú ý ở cả 3 nước này. Truy nguyên nguồn gốc của sự tương đồng này nằm ngoài phạm vi của bài viết,<sup>8</sup> nhưng chúng tôi có thể chứng minh những đặc điểm chung mà các nền văn hóa chính trị nói trên chia sẻ, đồng thời vạch ra những ảnh hưởng của chúng.

Chủ nghĩa tinh hoa và chủ nghĩa gia trưởng ăn sâu vào cốt lõi của các nền văn hóa chính trị rất tương đồng ở 3 nước nói trên. Dưới ảnh hưởng của những yếu tố này, các giả định văn hóa về mối quan hệ thích hợp giữa nhà nước và công dân, giữa người cai trị và tầng lớp bị trị hoàn toàn trái ngược với những gì được cho là hiển nhiên ở phương Tây. Trong xã hội 3 nước Đông Nam Á này có một niềm tin ngầm định mạnh mẽ rằng thiện chí và phẩm chất đạo đức cao của những người cầm quyền - chứ không phải là sự phân chia và kiểm soát quyền lực một cách khách quan thường được ưa thích bởi truyền thống tự do - mới là những sự kiểm chế then chốt đối với quyền lực.<sup>9</sup> Sự phù hợp của định kiến văn hóa này có thể được thoáng thấy trong việc nhấn mạnh vai trò của gia đình (hay chính xác hơn là của những người làm cha làm mẹ) ở cả 3 nước.

Cần nhắc các yếu tố văn hóa chính trị giúp chúng ta dễ hiểu hơn lý do tại sao cả 3 đảng cầm quyền đều bác bỏ chủ nghĩa đa nguyên và cảm thấy rất khó chịu về xã hội dân sự hoặc bất cứ một hình thức tổ chức nào hoạt động ngoài các khuôn khổ của nhà nước hoặc đảng cầm quyền. Trên khía cạnh này, điều đáng chú

ý là các quy định hợp pháp hóa các tổ chức phi chính phủ và hoạt động của các tổ chức này đã tiến bộ một cách chậm chạp và thường gắn với nhiều tranh cãi ở cả 3 nhà nước nói trên.

Sự tập trung vào văn hóa chính trị cũng giúp làm sáng rõ đặc trưng của các cuộc bầu cử ở Việt Nam, Campuchia và Lào. Ở những nước này, giới cầm quyền xem bầu cử là cơ hội để người dân khẳng định những công lao đích thực của các nhà lãnh đạo hơn là một cuộc cạnh tranh giữa những lựa chọn khác nhau.<sup>10</sup> Vì vậy, ở Việt Nam và Lào, Nhà nước luôn tìm cách kiểm soát những người được bầu vào quốc hội, còn ở Campuchia, Hunsen đã hành động như thể theo bản năng nhằm dập tắt bất kỳ quan điểm nào coi bầu cử như một cuộc cạnh tranh nghiêm túc.

Hơn nữa, việc cân nhắc đúng mức vấn đề văn hóa chính trị đặt ra những câu hỏi sâu sắc về điều gì đang diễn ra khi mà các đảng cầm quyền làm việc với cộng đồng tài trợ quốc tế trong các lĩnh vực như cải cách hành chính công hay chống tham nhũng. Những cải cách mà các nhà tài trợ thúc đẩy thường lên quan đến sự phân chia và kiểm soát quyền lực mang tính thể chế, điều mà giới lãnh đạo các nước tiếp nhận tài trợ nhìn nhận với sự hoài nghi sâu sắc. Bất kể các nhà tài trợ nghĩ gì về những việc họ đang làm, trên thực tế giới lãnh đạo địa phương hoặc là thiếu nghiêm túc về việc thể chế hóa các cải cách tự do, hoặc là khẳng khái giải thích hay áp dụng chúng theo những cách phi tự do. Cuối cùng, sự tập trung vào văn hóa chính trị giúp dễ hiểu hơn (dẫu không phải để tha thứ cho) khuynh hướng các nhà cầm quyền đối xử một cách gay gắt với các nhà bất đồng chính kiến và những người chỉ trích khác. Các quyền, theo lối tư duy của những người cầm quyền, bắt nguồn từ việc phải tuân theo nếp suy nghĩ gia trưởng, lấy giới tinh hoa làm trung tâm này. Vì vậy, không có sự tuân thủ cũng đồng nghĩa với không có quyền.<sup>11</sup>

Ngoài một nền văn hóa chính trị không thân thiện, một trở ngại lớn khác mà nền chính trị tự do đang vấp phải tại Việt Nam, Campuchia và Lào có thể được quy cho sự trỗi dậy của "chính trị tiền bạc" cùng với kết quả kéo theo của nó là sự thương mại hóa nhà nước. Cải cách ở Đông Nam Á thường được cho là gắn liền (một cách ngấm ngấm hoặc rõ ràng) với tự do hóa kinh tế và sự thoái lui của Nhà nước. Nhưng đó không phải là những gì đã diễn ra. Những năm tháng cải cách ở Việt Nam, Lào, Campuchia đã thực sự chứng kiến quá trình thị trường hóa, cùng với đó là một dạng thăng tiến của nhà nước hơn là sự thoái lui, khi mà các chính trị gia, các quan chức và những người có quan hệ mật thiết với họ đã tranh thủ lợi dụng những người trong cuộc tiếp cận các cơ hội kinh doanh gắn liền với quá trình thị trường hóa và toàn cầu hóa để làm giàu cho bản thân.

Ở Việt Nam, quá trình này được ghi nhận lần đầu liên quan đến sự gia tăng của các nhóm lợi ích doanh nghiệp nhà nước từ những năm 1980, khi mà những người có các mối quan hệ chính trị bắt đầu tích lũy tư bản thông qua việc tham gia vào các giao dịch thị trường, ngay cả trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung. Ở Lào, sự thương mại hóa nhà nước là rõ ràng có liên hệ khá thường xuyên đến các chính trị gia và họ hàng của họ, được biết đến như những người nắm giữ các vị trí cao đầy uy quyền của nền kinh tế Lào. Ở Campuchia, quá trình này bắt đầu vào cuối những năm 1980 với việc bán tháo các tài sản nhà nước, chủ yếu bởi đảng CPP, khi mà Hun Sen cố lôi kéo thêm đồng minh và gây ảnh hưởng đối với người dân nhằm chuẩn bị cho những thay đổi được dự báo sẽ diễn ra trong môi trường chính trị nước này.

Những đặc trưng của nền kinh tế chính trị trong “kỷ nguyên cải cách” này đều tương đồng nhau ở cả Việt Nam, Campuchia và Lào. Trước hết, như đã được đề cập thì các mối liên kết hoặc quan hệ chính trị thường đóng vai trò cốt yếu. Đây là những điều cần thiết cho sự bảo đảm về mặt chính trị cũng như tiếp cận nguồn đất đai, vốn, các hợp đồng, hoặc có được (nếu không né tránh) những giấy phép cần thiết. Xung đột lợi ích là phổ biến, với việc các cán bộ công chức (thường thực hiện các hành động thông qua bạn bè hoặc họ hàng) hoạt động trong các lĩnh vực của nền kinh tế mà họ chịu trách nhiệm điều hành. Hoạt động đầu cơ trực lợi dựa trên các thông tin tay trong có được nhờ làm việc trong các cơ quan nhà nước là khá thường xuyên. Đầu cơ đất đai – hay việc thuê mua đất trực tiếp ở Campuchia – rất phổ biến ở cả 3 nước và đã chứng tỏ là con đường màu mỡ để giàu có nhanh chóng đối với các quan chức, nhất là kể từ khi đất đai bắt đầu khôi phục lại thành hàng hóa có thể chuyển nhượng vào cuối những năm 1980.

Trong tâm trí nhiều người ở cả 3 nước tồn tại một sự liên kết chặt chẽ giữa việc nắm giữ các chức vụ nhà nước với việc vun vén tài sản cá nhân. Giống như trường hợp về nền văn hóa chính trị của giới tinh hoa, trường hợp này cũng có nguồn gốc lịch sử lâu đời, đồng thời tiếp nhận những động lực mới từ những hoàn cảnh mới – trong trường hợp này, đó là những yếu tố mà gắn liền với cải cách kinh tế dựa theo thị trường. Ở Việt Nam, Campuchia và Lào, lương công chức đều thấp, nhưng những người có tham vọng sẽ trả nhiều tiền để có được chức vụ và qua đó tiếp cận dễ dàng đến các lợi ích cá nhân mà chức vụ đó mang lại. Vì vậy, đối với người đưa hối lộ, lượng tiền hối lộ để được đề bạt dường như là một khoản đầu tư mà có thể dễ dàng thu lại được nhờ những khoản tiền tô (rents) và các cơ hội khác mà một quan chức ở cương vị tốt có thể nhận được.<sup>12</sup>



Ở cả 3 nước trên, nền kinh tế chính trị này đang có những tác động sâu sắc đối với chính trị. Sự bất bình đẳng cao không chỉ về mặt thu nhập mà cả về sở hữu đất tập trung. Ví dụ như ở Campuchia, nơi mà quá trình tích lũy đất đai là kinh khủng nhất, thì chỉ một phần mười dân số thường sở hữu đến gần hai phần ba diện tích đất và một phần mười giàu nhất trong số đó – tương đương một phần trăm dân số nước này – được ước tính sở hữu từ 20% đến 30%. Cứ năm hộ gia đình ở nông thôn thì có một hộ là không có đất và con số này tiếp tục gia tăng 2% mỗi năm.<sup>13</sup> Các lợi ích kinh doanh đang có ảnh hưởng ngày càng lớn lên chính trị, đôi khi đến mức thâm tóm nhà nước. Vận động hành lang sau hậu trường đối với chính phủ tăng mạnh khi mà các doanh nghiệp cố định hình các luật lệ theo hướng có lợi cho mình. Các đảng cộng sản cầm quyền hiện cho phép những người kinh doanh, các nhân vật có tiếng thuộc thành phần kinh tế tư nhân tham gia vào quốc hội. Sự gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa chính phủ và các doanh nghiệp đang thúc đẩy khuynh hướng thiên vị của nhà nước đối với giới tư bản khi các tranh chấp thương mại phát sinh, đồng thời khiến cho giới tinh hoa chính trị gia tăng thái độ thù địch bản năng đối với các công đoàn độc lập.

Cuối cùng, có mối liên hệ trực tiếp giữa nền kinh tế chính trị của “kỷ nguyên cải cách” này với việc nền quản trị tự do không thể đạt được nhiều tiến bộ. Trong lĩnh vực cải cách hành chính công, vốn từ lâu đã là một trụ cột chính trong các nỗ lực tài trợ cho các nước Việt Nam, Lào, Campuchia, nỗ lực nhằm loại bỏ các thủ tục hành chính rườm rà thường không đạt được những cắt giảm toàn diện, bởi vì các chức vụ hoặc cơ quan bị loại bỏ ở nơi này lại được thay thế bởi những chức vụ hoặc các vụ cục mới ở nơi khác. Điều này thường gây khó hiểu đối với những người bên ngoài, nhưng nó hoàn toàn có lý đối với những người nào hiểu được việc nắm giữ các chức vụ công và việc thu vén cá nhân gắn kết với nhau như thế nào trong xã hội các nước nói trên. Việc dừng hoạt động các bộ ngành hoặc làm rõ các mô tả công việc sẽ trực tiếp đánh vào cách cư xử tùy tiện mà các quan chức thường dựa vào đó để kiếm thêm thu nhập, và vì vậy những biện pháp này phải bị lảng tránh.

### **Biểu tình tự phát và xã hội dân sự**

Các lực lượng văn hóa và lợi ích có thể có ảnh hưởng rất lớn đến mức ngăn cản con đường đi đến nền chính trị tự do, nhưng chúng không thể ngăn chặn sự xuất hiện các loại hình mới về biểu tình và hoạt động tích cực của người dân ở khu vực này của Đông Nam Á. Vào những năm 1980, các cuộc biểu tình đông người hoặc bất cứ hình thức tổ chức nào nằm ngoài sự kiểm soát của đảng-nhà nước là rất hiếm. Điều này bắt đầu thay đổi trong suốt những năm 1990. Mặc dù môi trường pháp quy

điều chỉnh hoạt động của xã hội dân sự vẫn còn hạn chế và dễ thay đổi, sự tái-Stalin hóa cuộc sống hằng ngày đã không còn nữa và mọi thứ đã không đứng yên một chỗ. Những cuộc biểu tình qui mô nhỏ đã trở nên thường tình và những cuộc biểu tình lớn hơn cũng thỉnh thoảng xảy ra khi mà người dân xuống đường hoặc cầm chốt bên ngoài các cơ quan chính phủ yêu cầu giải quyết khiếu nại.

Ở cả Việt Nam, Lào, và Campuchia, hầu hết các cuộc biểu tình liên quan đến tranh chấp đất đai hoặc bất mãn về nạn tham nhũng. Các giáo dân người Việt đã biểu tình đòi quyền tự do tín ngưỡng, trong khi người dân Campuchia biểu tình phản đối vụ việc tranh chấp ngôi đền với Thái Lan. Việt Nam cũng chứng kiến các cuộc biểu tình của người dân phản đối hành động của Trung Quốc ở Biển Đông, nơi có quần đảo Trường Sa không có người ở nhưng giàu hy-đrô-cacbon vốn là đối tượng tranh chấp lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Ở Campuchia, phe đối lập tổ chức các cuộc biểu tình chính trị vào cuối những năm 1990 nhưng không gian cho hoạt động này hiện đã bị giới hạn và có rủi ro cao. Ở Việt Nam và Lào, một số cá nhân, hội nhóm đã cố tổ chức chống lại nhà nước bất chấp những lệnh cấm đối với các nhóm đối lập. Sinh viên và giáo viên ở Lào từng có một cuộc biểu tình vào năm 1999 và các nhà bất đồng chính kiến Việt Nam cho ra mắt Khối 8406 vào năm 2006, nhưng trong cả hai trường hợp, chính quyền đã trấn áp mạnh tay và chặn đứng sự bùng phát tự do ngôn luận, tự do hội họp.

Trong vai trò một lực lượng thúc đẩy sự thay đổi chính trị, hoạt động chống đối hay bất đồng chính kiến ở cả ba nước bị lấn át bởi một hình thức mới yên lặng hơn – hoạt động tích cực sau hậu trường của các tầng lớp trung lưu mới nổi. Hoạt động thông qua các mạng lưới, tổ chức phi chính phủ khác nhau, những người dân Việt Nam, Campuchia, Lào (ở phạm vi hẹp hơn), với các phương tiện và kiến thức sẵn có đang bắt đầu vận động hành lang các chính phủ ở mỗi nước của họ trên một loạt các vấn đề, từ bảo vệ nguồn tài nguyên cho đến bảo vệ các quyền của phụ nữ và người khuyết tật. Thông thường, quá trình này cũng lắm chông chênh chỉ được thể chế hóa một cách lỏng lẻo và phụ thuộc lớn vào mối quan hệ cá nhân của các nhà hoạt động, cũng như sự sẵn sàng can dự cùng xã hội dân sự của các tổ chức nhà nước. Dầu vậy thì các tiến bộ vẫn đang đạt được, khi mà các tổ chức phi chính phủ quan hệ tốt với giới chức vẫn có thể “vận hành được hệ thống” và có được những kết quả. Ở đây ta nên nhấn mạnh rằng hoạt động thúc đẩy xã hội dân sự thường mang màu sắc chủ nghĩa dân tộc sâu sắc, và không (hoặc ít ra là chưa) hối thúc thay đổi hệ thống độc đảng. Thay vào đó họ chỉ cố gắng cải cách chế độ nhà nước độc đảng mà vài nhà hoạt động tuyên bố rất mực trung thành.

Xã hội dân sự sẽ đã không thể xuất hiện nếu không có phần lớn các biến đổi xã hội diễn ra ở Việt Nam, Lào, Campuchia từ năm 1986. Các công dân, bao gồm cả những người thuộc tầng lớp trung lưu đô thị, phần lớn đều giàu có hơn và được giáo dục tốt hơn so với trước đó. Họ đi du lịch nhiều hơn, và có nhiều khả năng làm việc cho các tổ chức quốc tế hơn, và vì vậy có nhiều kinh nghiệm về cách thức mọi thứ được thực hiện ở các nước khác. Họ được tiếp cận rộng rãi hơn với nhiều loại phương tiện truyền thông, cả cũ và mới, cũng như phương tiện truyền thông quốc tế. Họ tự tin hơn và ít chấp nhận chịu đựng sự thái quá hay lạm dụng của nhà nước. Điều này không có nghĩa là họ đang yêu cầu chấm dứt hệ thống độc đảng, nhưng họ đã nhận thức được các quyền của mình và muốn có tiếng nói lớn hơn trong các vấn đề có ảnh hưởng đến mình.

Tất nhiên là có sự căng thẳng giữa tư tưởng này của tầng lớp trung lưu mới nổi và văn hóa chính trị của giới tinh hoa thường phản đối sự thay đổi đã được thảo luận phía trên. Nhưng mỗi căng thẳng này ít nghiêm trọng hơn chúng ta nghĩ, một phần là do tầng lớp trung lưu và giới tinh hoa có ảnh hưởng lẫn nhau. Phần lớn giới trung lưu ở Đông Nam Á đã nổi lên không quá xa rời với nhà nước và vẫn được gắn chặt với nhà nước, thường thông qua các thành viên trong gia đình làm cán bộ công chức. Ngược lại, các công chức cũng thường đi đây đó, tiếp cận phương tiện truyền thông nước ngoài, tương tác với các tổ chức quốc tế, theo đó các biến đổi xã hội có ảnh hưởng đến cả các nhân viên nhà nước cũng như những người dân khác. Do đó, đặc trưng của các nhóm cầm quyền ở Việt Nam, Lào, Campuchia đang biến chuyển trong một quá trình được mong đợi sẽ có ảnh hưởng đến cả các đảng cầm quyền, cho dù tốc độ chuyển biến trong giới tinh hoa có chậm hơn so với những gì chúng ta chứng kiến trong xã hội nói chung (đặc biệt là xã hội đô thị).<sup>14</sup>

## **Hướng đến tương lai**

Tương lai của các nền chính trị của Việt Nam, Lào, Campuchia sẽ như thế nào? Sự sụp đổ chế độ là khó có thể xảy ra ở bất cứ một nước nào trong số 3 nước này, những người cầm quyền ở Hà Nội, Phnôm Pênh và Viên Chăng không ở trong thế đường cùng. Chế độ độc đảng ở từng quốc gia giành được tính chính danh từ nhiều nguồn như: thành công kinh tế, chủ nghĩa dân tộc, các quan ngại về trật tự xã hội, và uy tín cá nhân của các quan chức hàng đầu. Tuy nhiên, thật khó để nói chính xác mức độ ủng hộ chế độ là bao nhiêu và chế độ đó vận hành mạnh mẽ như thế nào, bởi vì người dân không muốn nói chuyện cởi mở và không có việc bỏ phiếu thăm dò ý kiến một cách khoa học, khách quan. Về các cuộc bầu cử, tại Việt Nam và Lào, tất cả các ứng viên phải được đảng cộng sản xét duyệt kỹ và hầu hết đều là

đảng viên. Campuchia tổ chức các cuộc bầu cử với sự tham gia của các đảng đối lập nhưng việc mua phiếu bầu hoặc sự hăm dọa vẫn là mối quan ngại chính. Hơn nữa, cả ba nước này đều có lực lượng an ninh hùng hậu. Chính quyền Hunsen ở Campuchia có thể nói là kém ổn định nhất bởi thói tham lam và tàn bạo hơn, trong đó giới tinh hoa nước này thường lo tích lũy của cải cá nhân. Nhưng Campuchia cũng là nước mạnh tay nhất trong hoạt động dập tắt sự chống đối.

Sự sụp đổ chủ nghĩa cộng sản ở Trung Quốc sẽ có thể có tác động mạnh đến cả 3 nước trên, tương tự như sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản tại Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến Lào và Campuchia. Nhưng không nhiều học giả trông chờ kết quả đó trong tương lai gần. Đảng CPP ở Campuchia có thể gặp rắc rối khi Hunsen rời chính trường, nhưng ông này ở độ tuổi 60 nên vẫn có thể nắm quyền thêm một thời gian nữa. Ngược lại, các nhà nước độc đảng ở Việt Nam và Lào phụ thuộc vào sự lãnh đạo tập thể, cho nên ít lo ngại hơn về một cuộc khủng hoảng kế nhiệm.

Ngoại trừ vấn đề ông Hunsen nói trên, phân tích của chúng tôi dự báo các chế độ đương nhiệm ở cả 3 nước trên sẽ còn tiếp tục trong vài năm tới, nhưng gắn liền với đó là sự tiến triển của hệ thống chính trị nền tảng. Sự tiến triển này vốn đã diễn ra trong 15 hay 20 năm qua. Điều đó có nghĩa rằng, trong khi không có thay đổi gì trong các đảng cầm quyền (kể cả ở Campuchia, nơi mà đảng CPP có thể sử dụng vũ lực để quay lại nắm quyền khá nhanh bất chấp bị thua trong cuộc bầu cử năm 1993), thì xã hội nói chung đã không đứng yên, và sự biến động xã hội đã có ảnh hưởng đến chính giới cầm quyền. Theo thời gian, sự tiến triển trên cũng sẽ mở rộng phạm vi của những điều có thể xảy ra.

Về dài hạn, chúng ta sẽ không loại trừ khả năng các đảng cộng sản Việt Nam và Lào cho phép các đảng chính trị khác hình thành hoặc khả năng đảng CPP ở Campuchia có thể cho phép các đảng đối lập hiện tại hoạt động tự do hơn. Nhưng tầng lớp thượng lưu và văn hóa chính trị phi tự do ở 3 nước trên sẽ chỉ biến chuyển chậm chạp và việc nắm giữ các chức vụ nhà nước vẫn đồng nghĩa với lợi nhuận lớn, vì vậy "dài hạn" có thể thật sự là một quãng đường rất dài. Phần lớn những điều này có thể đúng đối với cả các nước Đông Nam Á khác. Mọi thứ có lẽ sẽ chuyển biến đến một tình cảnh không khác mấy tình hình ở Hàn Quốc, nơi mà khoảng một phần tư thế kỷ sau quá trình chuyển đổi đã trở thành một nền dân chủ đang vận hành tốt, đồng thời cũng là nơi mà các phương cách truyền thống (như khuynh hướng mọi thứ đều xoay quanh cá nhân tổng thống) vẫn tồn tại và mang lại một nét khác biệt cho đời sống chính trị nơi đây.<sup>15</sup>

Liệu sự chuyển biến như thế sẽ xuất hiện ở 3 nước Đông Nam Á nói trên hay không? Đối với trường hợp Campuchia, chúng ta không thể nói điều đó một cách

chắc chắn. Các lực lượng đối lập đang thật sự hiện diện tại nước này không đứng tách hẳn ra khỏi các giá trị độc tài của văn hóa chính trị truyền thống, và cũng không đứng vững được trên nền tảng của chủ nghĩa tự do lập hiến cổ điển. Vì vậy, nếu một nhóm đối lập nào đó có thể lên nắm quyền, điều sẽ khó xảy ra trong ngắn hạn, họ cũng sẽ mang theo cách tư duy gia trưởng, dựa trên tầng lớp tinh hoa để vận hành đời sống chính trị.

Đối với Việt Nam và Lào, ta có thể hoan nghênh sự phát triển của hoạt động xã hội dân sự, nhưng cũng cần nghiêm túc nhìn nhận rằng, dù nó cho thấy những ảnh hưởng của tư tưởng tự do nhưng đó vẫn chưa phải là sự tự do hoàn toàn trong triển vọng dài hạn. Vì vậy, ở cả ba nước này, khó có thể nói rằng sự thay đổi chế độ theo hướng đa đảng tự nó sẽ là dấu hiệu thắng lợi của các giá trị tự do.

Tuy nhiên, bước chuyển khỏi sự cai trị độc đảng như thế vẫn sẽ tượng trưng cho một bước tiến lớn, vì vậy thật đáng cân nhắc làm thế nào điều đó có thể xảy ra. Nếu kinh nghiệm của các nước khác là một chỉ dẫn nào đó, thì một viễn cảnh khả dĩ đó là chính đảng cầm quyền sẽ xem hệ thống chính trị hiện hữu như là một gánh nặng và tiến tới thay đổi nó. Các cuộc biểu tình lan rộng có thể góp phần vào quá trình trên như chúng đã từng diễn ra ở Hàn Quốc trong suốt những năm cuối thập niên 1980. Hoặc quá trình đó có thể diễn ra êm thắm hơn giống như ở Đài Loan trong cùng khoảng thời gian trên. Ở đó, Trung Hoa Quốc dân đảng cầm quyền bắt đầu đối thoại với phe đối lập vào năm 1986, không phải do áp lực của người dân mà đúng hơn là một phần của một nỗ lực chiến lược nhằm làm dịu bớt việc Trung Hoa Dân Quốc ngày càng bị gạt ra bên lề chính trường quốc tế do Bắc Kinh tái can dự.<sup>16</sup> Ở Hàn Quốc, sự thay đổi diễn ra vào năm 1987, khi ứng viên tổng thống của Đảng Công lý Dân chủ cầm quyền là Roh Tae-woo phản lại Tổng thống đương nhiệm Chun Doo-hwan bằng việc đồng ý với các yêu cầu của phe đối lập nhằm tổ chức một cuộc bầu cử tổng thống trực tiếp trước làn sóng bất ổn xã hội và lao động lan rộng.<sup>17</sup>

Tất nhiên, những chia rẽ trong nội bộ tầng lớp tinh hoa do khủng hoảng gây ra là những động lực phổ biến thúc đẩy sự biến đổi chính trị ở nhiều nơi. Trong cả hai trường hợp Hàn Quốc và Đài Loan, đảng cầm quyền thường nắm quyền tiếp một số năm sau khi đã chuyển sang hệ thống đa đảng trước khi phe đối lập thắng cử. Thật không khó để hình dung một viễn cảnh tương tự sẽ diễn ra ở Việt Nam, Lào, Campuchia trong thời gian tới.

Một viễn cảnh khác có thể nghĩ đến đó là các đảng cầm quyền mưu đồ làm suy yếu bất cứ phe đối lập mới nổi nào bằng cách hình thành các nhóm đối lập "trung thành", thân thiện với chế độ. Đảng Nhân dân Hành Động cầm quyền lâu

năm ở Singapore đã thực hiện những điều tương tự với “các nghị sỹ được đề cử” của đảng này.<sup>18</sup> Cách tiếp cận này dường như có thể thu hút mối quan tâm của giới lãnh đạo đảng cầm quyền theo đường hướng cũ vốn lo ngại về viễn cảnh một lực lượng chính trị đối lập thực sự. Nhưng thật khó hình dung làm thế nào để việc thành lập một nhóm đối lập “chân gỗ” có thể tạo ra được tính chính danh hoặc xoa dịu những người muốn có sự thay đổi sâu rộng. Dầu vậy, vẫn có khả năng là giới chóp bu ở Việt Nam và Lào có thể chọn đi theo con đường này để tránh điều mà họ lo ngại sẽ là một quá trình hình thành đảng chính trị gây chia rẽ và bất ổn. Dù Việt Nam, Lào, Campuchia cuối cùng chọn đi theo con đường nào đi chăng nữa, thì một điều chắc chắn là sự trỗi dậy toàn diện và nhanh chóng của một nền chính trị tự do là rất khó có thể xảy ra.

### Chú thích

1. Borje Ljunggren, ed., *The Challenge of Reform in Indochina* (Cambridge: Harvard University Press, 1993).
2. Barry Naughton, *Growing Out of the Plan: Chinese Economic Reform, 1978–93* (Cambridge: Cambridge University Press, 1995), 22.
3. Adam Fforde, “The Political Economy of ‘Reform’ in Vietnam: Some Reflections,” unpubl. ms., 1991, 8.
4. Søren Ivarsson, Thommy Svensson, and Stein Tønnesson, *The Quest for Balance in a Changing Laos: A Political Analysis*, NIAS Reports 25, 1995, Nordic Institute for Asian Studies, Copenhagen, 51–52.
5. Communist Party of Vietnam, *Seventh National Congress: Documents* (Hanoi: Vietnam Foreign Languages Publishing House, 1991), 104; and Ivarsson et al., *Quest for Balance*, 38–39.
6. Caroline Hughes, *The Political Economy of the Cambodian Transition, 1991–2001* (London: Routledge, 2003).
7. David Chandler, “Cambodia in 2009: Plus C’est la M<sup>e</sup>me Chose,” *Asian Survey* 50 (January–February 2010): 229.
8. Alexander Woodside, *Vietnam and the Chinese Model: A Comparative Study of Nguyen and Ching Civil Government in the First Half of the Nineteenth Century* (Cambridge: Harvard University Press, 1971); Robert S. Newman, *Brahmin and Mandarin: A Comparison of the Cambodian and Vietnamese Revolutions*, Centre of Southeast Asian Studies, Working Papers, Monash University, 1978.

9. Geir Helgesen and Li Xing, "Good Governance—Democracy or Minzhu," in Hans Antlov and Tak-Wing Ngo, eds., *The Cultural Construction of Politics in Asia* (Richmond, Surrey: Curzon, 2000), 175–202.
10. R.H. Taylor, ed., *The Politics of Elections in Southeast Asia* (Cambridge: Cambridge University Press, 1996).
11. Antlov and Ngo, *Cultural Construction of Politics*.
12. Martin Gainsborough, Dang Ngoc Dinh, and Tran Thanh Phuong, "Corruption, Public Administration and Development: Challenges and Opportunities as Viet Nam Moves Towards Middle-Income Status," in Jairo ACUna-Alfaro, ed., *Reforming Public Administration Reform in Vietnam: Current Situation and Recommendations* (Hanoi: National Political Publishing House, 2009), 377–427.
13. Caroline Hughes, "Cambodia in 2007: Development and Dispossession," *Asian Survey* 48 (January–February 2008): 71.
14. Sarthi Acharya, "Labour Migration in the Transitional Economies of South-East Asia," Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, December 2003, 1–21; and Lisa Drummond and Mandy Thomas, eds., *Consuming Urban Culture in Contemporary Vietnam* (London: RoutledgeCurzon, 2003).
15. Tat Yan Kong, "Power Alternation in South Korea," *Government and Opposition* 35 (July 2000): 370–91.
16. Laurence Whitehead, "Afterword: On Cultures and Contexts," in Antlov and Ngo, *Cultural Construction of Politics*, 234.
17. Han Sung-Joo, "South Korea in 1987: The Politics of Democratization," *Asian Survey* 28 (January 1988): 52–61.
18. Michael Barr, "Perpetual Revisionism in Singapore: The Limits of Change," *Pacific Review* 16, no. 1 (2003): 77–97.

----

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET**

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo đọc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

### Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

### Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

### Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).

### Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi



cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

### **Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net***

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luân hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

### **Bản quyền bài dịch**

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

### **Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net***

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

### **Liên lạc**

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).